

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 14/2025/DS-ST

Ngày: 10-03-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhân
2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLST-DS, ngày 14/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS, ngày 17/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS, ngày 14/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Mai Minh T (Trường A)**, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Khắc H**, sinh năm 1990, địa chỉ: Khóm C, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (*Theo văn bản xác nhận ngày 13/02/2025, có mặt*).

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mộng T1**, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Mai Minh T trình bày:*

Nguyên trước đó vào tháng 11/2022 do là bạn bè quen biết nên Nguyễn Thị Mộng T1 có hỏi mượn anh số tiền tổng cộng là 160.000.000đ gồm 02 lần mượn thông

qua hình thức anh chuyển khoản cho chị T1 thông qua số tài khoản 19030773923016 tại Ngân hàng T2 – Ngân hàng TMCP K cho chị Nguyễn Thị Mộng T1 là chủ tài khoản có cụ thể các ngày như sau:

- Vào ngày 18/11/2022 anh chuyển cho Nguyễn Thị Mộng T1 mượn số tiền 90.000.000đ *(có bản sao kê ngân hàng)*.

- Vào ngày 01/12/2022 anh chuyển cho Nguyễn Thị Mộng T1 mượn số tiền 70.000.000đ *(có bản sao kê ngân hàng)*.

Do tin tưởng nên việc anh cho chị T1 mượn số tiền 160.000.000đ hoàn toàn không có tính lãi, chỉ thỏa thuận miệng việc cho mượn tiền, không có làm giấy biên nhận, chị T1 thỏa thuận miệng với anh là sau 03 tháng kể từ ngày mượn tiền sẽ hoàn trả đủ lại số tiền 160.000.000đ cho anh.

Từ khi mượn tiền cho đến nay thì chị T1 cố tình lẩn tránh, trì hoãn việc trả lại tiền cho anh, trong khi anh đã rất nhiều lần yêu cầu chị T1 trả lại.

Nay anh yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T1 trả cho anh số tiền 160.000.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án nên không có trình bày.*

- *Tại phiên tòa, anh Mai Minh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T1 trả cho anh số tiền 160.000.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.*

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp thì anh T có chuyển cho chị T1 02 lần với số tiền tổng cộng là 160.000.000đ có xác nhận của Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 160.000.000đ cho nguyên đơn. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Minh T

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 phải trả cho anh T số tiền là 160.000.000đ.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 phải chịu án phí là 8.000.000đ.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Mai Minh T khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 trả tiền đã cho mượn, tuy nhiên đây là tài sản cùng loại, không phải tài sản đặc định, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” chứ không phải “*Hợp đồng mượn tài sản*”. Bị đơn có nơi cư trú ấp F, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Anh Mai Minh T yêu cầu chị Nguyễn Thị Mộng T1 trả cho anh số tiền 160.000.000đ. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác, sự việc được chứng minh qua các lần chuyển tiền và được Ngân hàng xác nhận, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Công văn số 402/2024/CV-VLG, ngày 25/10/2024 của Ngân hàng TMCP K (T3) xác nhận chị Nguyễn Thị Mộng T1 có số tài khoản 1903773923016 của Ngân hàng nhận từ tài khoản của anh Mai Minh T của Ngân

hàng TMCP S vào các ngày 18/11/2022 nhận 90.000.000đ, ngày 01/12/2022 nhận 70.000.000đ, tổng cộng là 160.000.000đ.

Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn đến Tòa án tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Tuy nhiên bị đơn vẫn không đến và không có bất cứ văn bản nào để trình bày gửi cho Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc phản đối đó.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cũng quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Chị T1 đã từ bỏ quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ và phải chịu hậu quả pháp lý về việc từ bỏ đó. Do đó chị T1 phải trả số tiền 160.000.000đ cho anh T là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền tổng cộng là 160.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[2]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí là $(160.000.000đ \times 5\%) = 8.000.000đ$.

[3]. Đối với quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Minh T.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Mai Minh T số tiền tổng cộng là 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. *Về án phí*: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 phải chịu án phí là 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Mai Minh T số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*) theo biên lai số N₀ 0014635, ngày 14/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- - TAND tỉnh Vĩnh Long;
- - VKSND huyện Tam Bình;
- - Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- - Các đương sự;
- - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo